

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÂM HÀ
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 53/2024/HNGĐ - ST

Ngày: 24-7-2024

V/v: ly hôn; tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Ngô Thị Luân;

2. Bà Lại Thị Thu Hà.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Cương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Hồ Văn Trường – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 110/2024/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2024 về việc: “Ly hôn; tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2024/QĐST-DS ngày 27 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị K, sinh năm 1990.

Địa chỉ: thôn R, xã P, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

2. Bị đơn: anh Vi Văn M, sinh năm 1990.

Địa chỉ: thôn R, xã P, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn xin ly hôn, nguyên đơn chị K trình bày thì:

Về quan hệ hôn nhân: năm 2013, chị và anh M xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống và đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 11 tháng 7 năm 2017 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh Lâm Đồng theo giấy chứng nhận kết hôn số 29/2013. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị sinh sống và làm việc tại thôn R, xã P, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Cuộc sống vợ chồng chị diễn ra hòa thuận, hạnh phúc, có xảy ra mâu thuẫn nhưng

vẫn giải quyết được. Tuy nhiên, từ năm 2021 thì vợ chồng không hòa thuận, không hạnh phúc, xảy ra rất nhiều mâu thuẫn, bất hòa, xô xát thường xuyên. Nguyên nhân là do vợ chồng chị bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Mặc dù, vợ chồng chị đã nhiều lần nói chuyện để giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn lại tình cảm nhưng đều không được. Đến nay mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng, chị xác định không còn tình cảm với anh **M**, không thể tiếp tục chung sống với nhau. Vợ chồng chị đã sống ly thân từ năm 2022 đến nay.

Nhận thấy, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống hôn nhân không mang lại hạnh phúc như mong muốn, tiếp tục kéo dài chỉ khiến cả hai mệt mỏi, ảnh hưởng lớn đến con cái. Do vậy, chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà giải quyết cho chị được ly hôn với anh **M**.

Về con chung: vợ chồng chị có 02 (hai) con chung là: Vi K'Nhật Tiến, sinh ngày 21/8/2013; **Vi Thanh Huyền T**, sinh ngày 05/6/2018.

Khi ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao cả hai con chung cho chị là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành. Chị không yêu cầu anh **M** phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: vợ chồng chị không có tài sản chung nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về nợ chung: vợ chồng chị không có nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Ngoài ra, chị **K** không trình bày gì thêm.

*Bị đơn anh **Vi Văn M** trình bày tại Bản tự khai thì:*

Về quan hệ hôn nhân: năm 2013, anh và chị **K** xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống và đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 11 tháng 7 năm 2017 tại Ủy ban nhân dân xã **P**, huyện **L**, tỉnh **Lâm Đồng**. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh sinh sống và làm việc tại **thôn R, xã P, huyện L, tỉnh Lâm Đồng**. Cuộc sống vợ chồng anh diễn ra hòa thuận, hạnh phúc, có xảy ra mâu thuẫn nhưng vẫn giải quyết được. Tuy nhiên, từ năm 2021 thì vợ chồng không hòa thuận, không hạnh phúc, xảy ra rất nhiều mâu thuẫn, bất hòa, xô xát thường xuyên. Nguyên nhân là do vợ chồng anh bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Mặc dù, vợ chồng anh đã nhiều lần nói chuyện để giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn lại tình cảm nhưng đều không được. Đến nay mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng, không thể cứu vãn được, anh xác định không còn tình cảm với chị **K**, không thể tiếp tục chung sống với nhau. Vợ chồng anh đã sống ly thân từ năm 2022 đến nay.

Nhận thấy, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống hôn nhân không mang lại hạnh phúc như mong muốn, tiếp tục kéo dài chỉ khiến cả hai mệt mỏi, ảnh hưởng lớn đến con cái nên anh đồng ý ly hôn với chị **K**.

Về con chung: vợ chồng anh có 02 (hai) con chung là: Vi K'Nhật Tiến, sinh ngày 21/8/2013; **Vi Thanh Huyền T**, sinh ngày 05/6/2018.

Khi ly hôn, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung là **Vi Thanh Huyền T**; anh đồng ý giao con chung là **V K'Nhật T1** cho chị **K** là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: vợ chồng anh không có tài sản chung nên anh không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về nợ chung: vợ chồng anh không có nợ chung nên anh không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Ngoài ra, anh **M** không trình bày gì thêm.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp hòa giải nhưng vắng mặt đương sự nên không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng cũng như phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án theo hướng: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị **K**, xử cho chị **K** được ly hôn với anh **Vi Văn M**. Về con chung, đề nghị giao con chung là **Vi K'Nhật T2**, sinh ngày 21/8/2013 và **Vi Thanh Huyền T**, sinh ngày 05/6/2018 cho chị **K** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Về tài sản chung, đương sự xác định không có tài sản chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết. Về nợ chung, đương sự xác định không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: buộc chị **K** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung là phù hợp.

[2] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án*: bị đơn anh **Vi Văn M** cư trú: **thôn R, xã P, huyện L, tỉnh Lâm Đồng** nên theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

[3] *Về quan hệ hôn nhân*: chị **K** và anh **Vi Văn M** đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh Lâm Đồng** vào ngày 11/7/2017 trên cơ sở tự nguyện nên quan hệ hôn nhân của anh, chị là hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của chị **K**, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Qua xác minh thì: trong thời gian chung sống, chị **K** và anh **M** phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra xô xát

nhau. Đồng thời, trong lời khai, anh **M** cũng xác định mâu thuẫn vợ chồng anh đã trầm trọng, anh không còn tình cảm với chị **K**, đời sống chung không thể kéo dài nên anh đồng ý ly hôn với chị **K**. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị **K** và anh **M** đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; nếu tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân của anh, chị cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai. Hội đồng xét xử, căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình cần chấp nhận đơn xin ly hôn của chị **K**, xử cho chị **K** được ly hôn với anh **M** là hoàn toàn phù hợp.

[4] *Về con chung*: chị **K** và anh **M** xác định vợ chồng có hai con chung là: **Vi K'Nhật T2**, sinh ngày 21/8/2013 và **Vi Thanh Huyền T**, sinh ngày 05/6/2018. Xét thấy, từ khi anh **M** và chị **K** sống ly thân đến nay, cả hai con chung đều do chị **K** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Hơn nữa, qua xác minh thì điều kiện nuôi con của chị **K** tốt hơn anh **M**. Đồng thời, con chung là **V K'Nhật T2** cũng có nguyện vọng ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn. Do vậy, để đảm bảo sự ổn định tâm sinh lý cho trẻ cần giao con chung là: **Vi K'Nhật T2**, sinh ngày 21/8/2013 và **Vi Thanh Huyền T**, sinh ngày 05/6/2018 cho chị **K** trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con, chị **K** không yêu cầu anh **M** phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

[5] *Về tài sản chung*: chị **K** và anh **M** xác định vợ chồng không có tài sản chung và thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

[6] *Về nợ chung*: chị **K** và anh **M** xác định vợ chồng không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

[7] *Về án phí*: buộc chị **K** phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 53, 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị **K**, xử cho chị **K** được ly hôn với anh **Vi Văn M**.

2. Giao con chung là **Vi K'Nhật T2**, sinh ngày 21/8/2013 và **Vi Thanh Huyền T**, sinh ngày 05/6/2018 cho chị **K** có trách nhiệm trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh **Vi Văn M** không phải cấp dưỡng nuôi con.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: buộc chị **K** phải chịu 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án 0004618 ngày 08/4/2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng. Chị **K** đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND huyện Lâm Hà;
- Chi cục THADS huyện Lâm Hà;
- Các đương sự;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ, BP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hạnh